TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số:97/2022/HNGĐ-ST Ngày 28 tháng 12 năm 2022 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2. Ông Lê Thanh Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022giữa các đương sự**:**

- Ng đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1994. ĐKHKTT: Xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở: Thôn Ô Cách, xã YT, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987. Cư trú: Thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Đình H, sinh năm 1972, cư trú ở thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968, cư trú ở thôn TH, xã MT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Bá CH, sinh năm 1971, cư trú: thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Bà Ngô Thị TA, sinh năm 1959, cư trú: thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Ông Ngô Đình B, sinh năm 1978, cư trú: thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Ông Ngô Đình PH, sinh năm 1985, cư trú: thôn XB, xã XC, huyện Hiệp

Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1960, cư trú: thôn Phú Quý, xã Vụ Bổn, huyện Krông Păc, tỉnh Đak. Điện thoại 0337177381.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thì Ng đơn là Nguyễn Thị Tr trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L ngày 26/3/2012. Có đăng ký kết hôn ở UBND xã Vụ Bổn, huyện Krông Păc, tỉnh Đak Lak. Vợ chồng chung sống đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Ng nhân do anh L nghi ngờ chị đi ngoại tình. Anh L có đánh đập chị. Gia đình có hòa giải những không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị TN, sinh ngày 12/5/2013 và Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 13/12/2015. Hiện nay cháu lớn Nguyễn Thị TN đang ở cùng bà ngoại ở thôn Phú Quý, xã Vụ Bổn, huyện Krông Păc, tỉnh Đak Lak. Còn cháu Nguyễn Văn Ng đang ở cùng anh L. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị TN, còn cháu Nguyễn Văn Ng sẽ do anh L nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Thị TN hiện khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, thu nhập ổn định khoảng 14.000.000 đồng/tháng. Hiện chị đang thuê nhà ở thôn Ô Cách, xã YT, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh để tiện đi làm.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng tại thửa đất Thửa đất 91, tờ bản đồ 45, đất có diện tích 232,7 m^2 tại thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ngày 31/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 044777 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Tr. Đất có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp hộ ông Viên, phía Tây giáp hộ bà Huyền, phía Nam giáp hộ ông Phụng, phía Bắc giáp đường đi. Thửa đất hiện không có tranh chấp với các hộ liền kề. Trường hợp anh L có nguyện vọng được sử dụng đất và trích chia giá trị chênh lệch cho chị thì chị đồng ý. Chị yêu cầu anh L trích chia cho chị ½ giá trị thửa đất là 260.000.000 đồng và yêu cầu chia thửa đất theo hiện trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bởi vì hiện trạng sử dụng đất vẫn còn tH so với hiện trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất không có tài sản gì có giá trị. Ngoài ra chị không yêu cầu chia tài sản gì khác.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng có vay và nợ tiền của những người sau: Vay của anh Ngô Đình H số tiền 10.000.000 đồng. Vay của bà Nguyễn Thị Th số tiền 22.000.000 đồng và 4.400.000 tiền phường. Vay của ông Nguyễn Bá CHsố tiền 10.000.000 đồng.Vay của bà Ngô Thị TAsố tiền 7.000.000 đồng.Vay của bà Đỗ Thị H số tiền 90.000.000 đồng. Nợ tiền phường của ông Ngô Đình Bvới số tiền 44.000.000 đồng đến thời điểm hiện tại. Nợ tiền phường của ông Ngô Đình PHvới số tiền 57.500.000 đồng đến thời điểm hiện tại. Ngoài ra vợ chồng không nợ gì ai. Vợ chồng ly hôn chị không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ chung về tài sản.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì chị không có ý kiến gì. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì chị tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Tr ngày 26/3/2012. Có đăng ký kết hôn ở UBND xã Vụ Bổn, huyện Krông Păc, tỉnh Đak Lak. Vợ chồng chung sống đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Ng nhân do chị Tr đi làm, đi liên hoan không quan tâm đến gia đình.Anh không đánh chị Tr như chị Tr trình bày. Vợ chồng có cãi chửi nhau. Gia đình hai bên có hòa giải những không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị TN, sinh ngày 12/5/2013 và Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 13/12/2015. Hiện nay cháu lớn Nguyễn Thị TN đang ở cùng bà ngoại ở thôn Phú Quý, xã Vụ Bổn, huyện Krông Păc, tỉnh Đak Lak. Còn cháu Nguyễn Văn Ng đang ở cùng anh. Vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện anh làm công nhân, thu nhập khoảng 14.000.000 đồng/tháng. Trường hợp cháu Nguyễn Thị TN có nguyện vọng muốn ở với mẹ thì đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Anh không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng tại thửa đất Thửa đất 91, tờ bản đồ 45, đất có diện tích 232,7 m^2 tại thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ngày 31/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 044777 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Tr. Đất có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp hộ ông Viên, phía Tây giáp hộ bà Huyền, phía Nam giáp hộ ông Phụng, phía Bắc giáp đường đi. Thửa đất hiện không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Nay vợ chồng ly hôn, do anh có nhu cầu sử dụng đất nên anh yêu cầu được chia bằng hiện vật, cụ thể là yêu cầu được sử dụng toàn bộ thửa đất và anh có nghĩa vụ trích chia phần giá trị mà chị Tr được hưởng. Yêu cầu chia thửa đất theo hiện trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bởi vì hiện trạng sử dụng đất vẫn còn tH so với hiện trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài yêu cầu chia thửa đất trên thì anh không yêu cầu chia tài sản gì khác. Trên thửa đất có một số tài sản không có giá trị nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng có vay và nợ tiền của những người sau: Vay của anh Ngô Đình Hsố tiền 10.000.000 đồng. Vay của bà Nguyễn Thị Thsố tiền 22.000.000 đồng và 13.200.000 đồng tiền phường. Vay của ông Nguyễn Bá CH số tiền 10.000.000 đồng. Vay của bà Ngô Thị TAsố tiền37.000.000 đồng. Nợ tiền phường của ông Ngô Đình Bvới số tiền cụ thể là bao nhiêu thì anh chưa tính được.Nợ tiền phường của ông Ngô Đình PH với số tiền với số tiền cụ thể là bao nhiêu thì anh chưa tính được. Ngoài các khoản nợ trên thì vợ chồng không nợ gì ai. Vợ chồng không vay tiền của bà Đỗ Thị H như chị Tr trình bày.Vợ chồng ly hôn, về công nợ chung để các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đình H trình bày: Giữa ông với anh Nguyễn Văn L có quan hệ họ hàng. Khi vợ chồng anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tr mua đất (năm 2021) thì ông có cho vợ chồng vay số tiền 10.000.000 đồng, không có lãi. Nay vợ chồng ly hôn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần công nợ này, để ông và vợ chồng chị Tr anh L tự thỏa thuận với nhau. Do điều kiện công việc, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà là cô ruột của anh Nguyễn Văn L. Bà có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn L vay số tiền 20.000.000 đồng để vợ chồng mua đất. Vợ chồng có nợ tiền phường của bà với số tiền 13.200.000 đồng. Vợ chồng nợ bà tổng số tiền 33.200.000 đồng. Nay vợ chồng ly hôn thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần công nợ này, để bà và vợ chồng chị Tr anh L tự thỏa thuận với nhau. Do điều kiện công việc, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá CH trình bày: Giữa ông với anh L có quan hệ trong công việc. Khi vợ chồng anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tr mua đất (tháng 6/2021) thì ông có cho vợ chồng vay số tiền 10.000.000 đồng, không có lãi. Nay vợ chồng ly hôn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần công nợ này, để ông và vợ chồng chị Tr anh L tự thỏa thuận với nhau. Do điều kiện công việc, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làBà Ngô Thị TA trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L. Bà có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn L vay tổng số tiền 30.000.000 đồng để vợ chồng chăn nuôi và 10.000.000 để vợ chồng mua đất. Vợ chồng đã trả bà được 3.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh L chị Tr còn nợ bà tổng số tiền 37.000.000 đồng. Nay vợ chồng chị Tr anh L ly hôn thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần công nợ này, để bà và vợ chồng chị Tr anh L tự thỏa thuận với nhau. Do điều kiện công việc, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làông Ngô Đình B trình bày: Giữa bà với anh L có quan họ hàng. Vợ chồng anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tr có nợ tiền phường của ông (Do ông làm chủ phường) với tổng số tiền còn nợ ông là 114.400.000 đồng. Nay vợ chồng ly hôn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần công nợ này, để ông và vợ chồng chị Tr anh L tự thỏa thuận với nhau. Do điều kiện công việc, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đình PH trình bày: Giữa ông với anh L có quan họ hàng. Vợ chồng anh L và chị Tr có nợ tiền phường của ông (Ông làm chủ phường) với tổng số tiền còn nợ ông là 69.000.000 đồng. Nay vợ chồng ly hôn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần công nợ này, để ông và vợ chồng chị Tr anh L tự thỏa thuận với nhau. Do điều kiện công việc, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H trình bày: Bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án gửi cho bà. Nay bà có quan điểm như sau: Vợ chồng chị Tr anh L có nợ của bà số tiền phường 90.000.000 đồng. Nay vợ chồng ly hôn thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần công nợ này,

để bà và vợ chồng chị Tr anh L tự thỏa thuận với nhau. Sau này nếu không thỏa thuận được thì bà sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Do điều kiện công việc, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

* Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự huyện Hiệp Hòa đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp có kết quả:

Thửa đất 91, tờ bản đồ 45, đất có diện tích 232,7 m^2 tại thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ngày 31/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 044777 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Tr. Đất có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp hộ ông Viên, phía Tây giáp hộ bà Huyền, phía Nam giáp hộ ông Phụng, phía Bắc giáp đường đi. Thửa đất hiện không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Thửa đất có giá: 520.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 33, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 213 của Bộ luật dân sự. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị TN, sinh ngày 12/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Tr nuôi dưỡng.Giao cháu Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Nguyễn Văn L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L quyền sử dụng thửa đất 91, tờ bản đồ 45, đất có diện tích 232,7 m^2 tại địa chỉ: Thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ngày 31/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 044777 cho anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tr. Anh L có nghĩa vụ trích chia cho chị Tr số tiền chênh lệch là 260.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn L. Anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Nguyễn Văn L, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đình H, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Bá CH, bà Ngô Thị TA, ông Ngô Đình B, ông Ngô Đình PH và bà Đỗ Thị H đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Về quan hệ hôn nhân:Chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Văn Lkết hôn ngày 26/3/2012. Có đăng ký kết hôn ở UBND xã Vụ Bổn, huyện Krông Păc, tỉnh Đak Lak. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của chị Tr và anh L thì xác định được trong quá trình chung sống, chị Tr và anh L có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Chị Tr yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Tr được ly hôn anh L (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị TN, sinh ngày 12/5/2013 và Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 13/12/2015. Hiện nay cháu Nguyễn Thị TN đang ở cùng bà ngoại ở thôn Phú Quý, xã Vụ Bổn, huyện Krông Păc, tỉnh Đak Lak. Còn cháu Nguyễn Văn Ng đang ở cùng anh L. Vợ chồng ly hôn chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ngân. Anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, trường hợp cháu Ngân có nguyện vọng được ở với chị Tr thì anh L đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu Ngân. Cháu Ng có nguyện vọng được ở với anh L. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao con chung là cháu Nguyễn Thị TN, sinh ngày 12/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Tr nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Nguyễn Văn L nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Theo lời trình bày của chị Tr, anh L và các tài liệu có trong hồ sơ xác định chị Tr và anh L có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất 91, tờ bản đồ 45, đất có diện tích 232,7 m^2 tại thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ngày 31/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 044777 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Tr. Đất có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp hộ ông Viên, phía Tây giáp hộ bà Huyền, phía Nam giáp hộ ông Phụng, phía Bắc giáp đường đi. Trị giá của thửa đất là 520.000.000 đồng. Vợ chồng ly hôn, chị Tr và anh L yêu cầu chia đôi thửa đất. Anh L yêu cầu được sử dụng toàn bộ thửa đất và có nghĩa vụ trích chia phần giá trị chênh lệch cho chị Tr. Chị Tr đồng ý với yêu cầu này của anh L. Do vậy, cần giao cho anh L sử dụng toàn bộ thửa đất 91, tờ bản đồ 45, đất có diện tích 232,7 m^2 tại thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 044777 ngày 31/8/2021 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Tr. Anh L có nghĩa vụ trích chia cho chị Tr ½ giá trị thửa đất: 520.000.000 đồng / 2 =

260.000.000 đồnglà phù hợp quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình (Có sơ đồ kèm theo bản án)

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đình H, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Bá CH, bà Ngô Thị TA, ông Ngô Đình B, ông Ngô Đình PH và bà Đỗ Thị H không yêu cầu chị Tr và anh L trả nợ nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau này nếu có yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị Tr nhận chịu cả 2.622.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Do vậy cần chấp nhận sự tự nguyện của chị Tr.

[8] Về án phí:

+ Chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí DSST không có giá ngạch.

+ Chị Tr và anh L mỗi người phải chịu 13.000.000 đồng án phí DSST có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 33, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2, Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị TN, sinh ngày 12/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Tr nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Nguyễn Văn L nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3, Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L quyền sử dụng đất thửa số 91, tờ bản đồ 45, đất có diện tích 232,7 m^2 tại thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là hình A1A2A4A5A6A7A8A9A10 (Có sơ đồ kèm theo bản án). Ngày 31/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 044777 cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Tr.

Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trích chia cho chị Nguyễn Thị Tr số tiền chênh lệch là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

4, Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 2.622.000 đồng, chị Tr đã nộp đủ số tiền này.

5, Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí DSST không có giá ngạch và 13.000.000 đồng án phí DSST có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008081 ngày 03/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị Tr còn phải nộp thêm số tiền 6.500.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn L phải chịu 13.000.000 đồng án phí DSST có giá ngạch.

6, Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

7, Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

8. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Vụ Bổn, huyện Krông Păc, tỉnh Đak Lak;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Chuyền

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT
(Kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2022/HNGĐ-ST
ngày 28/12/2022/2022)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Chuyền

A1 A2 A3 A4 A5 A6 A7 A8 A9 A10

A1 A2 A3 A4 A5 A6 A7 A8 A9 A10

A1 A2 A3 A4 A5 A6 A7 A8 A9 A10